

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử  
đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp  
nhiệm kỳ 2026 - 2031 tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số  
85/2015/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung  
bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21 tháng 5 năm 2025 của  
Quốc hội về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân  
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại  
biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi  
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi  
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán  
kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các  
cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 10439/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của Hội đồng  
nhân dân; ý kiến tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thảo  
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian  
được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa  
XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tỉnh Phú Thọ.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tỉnh Phú Thọ.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

## **Điều 2. Mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ**

### 1. Chi tổ chức hội nghị (áp dụng cho cấp tỉnh và cấp xã):

- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Chi tổ chức hội nghị tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### 2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc:

- Chủ trì cuộc họp:

+ Cấp tỉnh: 350.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 300.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự:

+ Cấp tỉnh: 140.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 120.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ:

+ Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

- Chủ trì cuộc họp:

+ Cấp tỉnh: 210.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 180.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự:

- + Cấp tỉnh: 140.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 120.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ:

- + Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành):

a) Trưởng đoàn giám sát:

- + Cấp tỉnh: 210.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 180.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát:

- + Cấp tỉnh: 140.000 đồng/người/buổi
- + Cấp xã: 120.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, lái xe phục vụ đoàn giám sát:

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát:

- + Cấp tỉnh: 105.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 90.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe):

- + Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát:

- + Cấp tỉnh: 3.500.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp xã: 3.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo tổng hợp kết quả của các đợt kiểm tra, giám sát trình cơ quan có thẩm quyền:

- + Cấp tỉnh: 4.900.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp xã: 4.200.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:

+ Cấp tỉnh: 210.000 đồng/1 người/1 lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 700.000/người/văn bản;

+ Cấp xã: 180.000 đồng/1 người/1 lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 600.000/người/văn bản.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo:

- + Cấp tỉnh: 700.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 600.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản:

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) Chi xây dựng văn bản khác liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi trên địa bàn của tỉnh, xã do Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử tại địa phương):

- Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý):

+ Cấp tỉnh: 2.100.000 đồng/văn bản;

+ Cấp xã: 1.800.000 đồng/văn bản.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:

+ Cấp tỉnh: 210.000 đồng/1 người/1 lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 700.000/người/văn bản;

+ Cấp xã: 180.000 đồng/1 người/1 lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 600.000/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 2.310.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 1.980.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ủy ban bầu cử, Phó trưởng các Tiểu ban, các thành viên Tiểu ban, Trưởng Ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 2.100.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 1.800.000 đồng/người/tháng.

- Các thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 1.890.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 1.620.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian văn bản thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ

được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định, văn bản thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bồi dưỡng đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng tại điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này và thời gian tính hưởng chế độ không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

- Cấp tỉnh: 140.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày); trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 2.100.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cấp xã: 120.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày); trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.800.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Bồi dưỡng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử trong 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

- Cấp tỉnh: 210.000 đồng/người/ngày;

- Cấp xã: 180.000 đồng/người/ngày.

Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt

6. Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban và Trưởng các Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 400.000 đồng/người/tháng.

b) Thành viên Ủy ban bầu cử, Phó các tiểu ban và Phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 350.000 đồng/người/tháng.

c) Các thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

d) Trường hợp cần thiết, Ủy ban bầu cử các cấp quyết định danh sách cán bộ, công chức, viên chức tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động:

- Cấp tỉnh: 210.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 180.000 đồng/người/tháng.

e) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm quyết định, văn bản thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Khoản chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 3.500.000 đồng/điểm nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. Trường hợp, nhiều người ứng cử cùng một địa bàn mức hỗ trợ tối đa 3.500.000 đồng/điểm. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân:

- Cấp tỉnh: 105.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 90.000 đồng/người/buổi.

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân:

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

9. Chi đóng hòm phiếu đối với trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 500.000 đồng/hòm phiếu áp dụng chung cho cấp tỉnh và cấp xã.

10. Chi khắc dấu đối với trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí) 400.000 đồng/dấu áp dụng chung cho cấp tỉnh và cấp xã.

11. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử đối với trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng áp dụng chung cho cấp tỉnh và cấp xã.

12. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

13. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

14. Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị Cơ quan thường trực Ủy ban bầu cử các cấp:

Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho cơ quan, đơn vị đó.

15. Chi khác phục vụ cho công tác bầu cử:

Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí**

Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và nguồn cân đối ngân sách địa phương.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.*

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, TTDN<sup>7</sup>.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Đức Hình**